

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2020/DS – PT
Ngày: 8-9-2020
V/v tranh chấp: Kiện đòi tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Minh Hồng.

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Mai Hương.

Bà Vũ Thị Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Quỳnh – Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Thuý Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 8 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2020/TLPT – DS ngày 21 tháng 7 năm 2020, về tranh chấp: Kiện đòi tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2020/DS – ST ngày 09 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 131/2020/QĐ - PT ngày 31 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn H1, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Tổ dân phố số 3 thị trấn Y, huyện H, tỉnh N. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Trung H2, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Tổ dân phố số 4 thị trấn Y, huyện H, tỉnh N. Có mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Đặng Văn T, sinh năm 1949

Địa chỉ: Tổ dân phố số 5 thị trấn Y, huyện H, tỉnh N. Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Tiên K

Địa chỉ: Tổ dân phố số 4 thị trấn Y, huyện H, tỉnh N. Vắng mặt.

3. Ông Mai Thế B, sinh năm 1943. Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Y. Vắng mặt.

4. Ông Bùi Văn Ô - Cán bộ tài chính – Kế toán UBND thị trấn Y. Vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Văn H1 (là nguyên đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, tại bản tự khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Văn H1 trình bày: Từ khoảng năm 1996 đến 1998 ông công tác tại UBND thị trấn Y, huyện H và được phân công vào Ban xây dựng cơ bản của UBND thị trấn để xây dựng 22 gian ki ốt của chợ Y sau khi đơn vị xây dựng do ông Nguyễn Xuân Chủ làm chủ thầu đã xây được 04 gian ki ốt thì bỏ dở. Ban xây dựng do ông Mai Huy T1 (nguyên Phó Chủ tịch UBND thị trấn) làm trưởng ban, các thành viên còn lại gồm có ông là phó ban, ông Nguyễn Trung H2 (nguyên cán bộ tài chính thị trấn), ông Mai Thế B (hiện là Phó chủ tịch HĐND thị trấn Y), ông Nguyễn Tiến K (nguyên Phó chủ tịch HĐND thị trấn Y), ông Trần Văn Thắng (nguyên bảo vệ). Ông và ông H2 phụ trách mua nguyên vật liệu xây dựng 22 gian ki ốt chợ Y, ứng tiền cá nhân chi trước sau đó lấy phiếu mua hàng đưa cho ông H2 chịu trách nhiệm thanh toán với UBND thị trấn Y. Tổng số tiền cá nhân ông đã chi mua nguyên vật liệu là 41.382.000 đồng còn lại là do ông H2 chi. Sau khi xây xong các ki ốt, có lập biên bản nghiệm thu do ông viết, có xác nhận của các thành viên trong Ban xây dựng. Ông đã đưa bản gốc biên bản quyết toán cho ông H2 để ông H2 chịu trách nhiệm thanh toán với UBND thị trấn Y. Ông được biết ông H2 đã ứng số tiền 45.000.000 đồng của UBND thị trấn Y nhưng không trả lại cho ông số tiền ông đã chi. Ông đã đòi nhiều lần nhưng ông H2 nói quanh co là chưa thanh toán được. Sau một thời gian ông đi lao động xuất khẩu ở nước ngoài, khi về nước đến năm 2015 ông tiếp tục đòi nợ nên xảy ra mâu thuẫn. Ông H2 thuê người đến tận nhà đánh ông gây thương tích nặng phải đi điều trị tại bệnh viện, ông đã trình báo Công an huyện giải quyết và ông H2 đã trả cho ông tiền viện phí 15.000.000 đồng và tiền đã vay nợ ông trước đây tổng cộng là 35.000.000 đồng; còn nợ tiền xây dựng 22 gian ki ốt chợ Y ông H2 không trả. Nay ông yêu cầu ông H2 phải trả số tiền ông đã chi tạm ứng mua nguyên vật liệu cùng ông H2 xây 22 gian ki ốt chợ Y là 41.382.000 đồng mà ông đã nhờ ông H2 thanh toán hộ, ông không yêu cầu tính lãi. Ông không yêu cầu Ủy ban nhân dân thị trấn Y phải trả nợ cho ông.

Bị đơn ông Nguyễn Trung H2 trình bày: Ông công nhận từ khoảng năm 1996 đến năm 1998 có tham gia Ban xây dựng các ki ốt chợ Y cùng ông H1 do UBND thị trấn Y thành lập và phân công. Thời điểm đó ông đang là cán bộ tài chính của UBND thị trấn Y. Khi tổ chức xây dựng công trình các ki ốt thì có giao cho một số thành viên trong Ban tự đi mua bán nguyên vật liệu rồi mang phiếu về giao lại cho ông thanh toán, ông H1 cũng có tham gia mua bán vật liệu. Ông đã tổng hợp các phiếu mua hàng thanh toán cho người mua và đưa vào hồ

sơ thanh quyết toán công trình, có nhiều chứng từ không hợp lệ thì không được công nhận. Hồ sơ quyết toán công trình ông đã bàn giao lại toàn bộ cho UBND thị trấn Y khi nghỉ việc năm 1999 do ông Bùi Văn Ô là cán bộ tài chính mới nhận bàn giao. Sau đó do có đơn thư tố cáo sai phạm của lãnh đạo UBND thị trấn Y nên hồ sơ quyết toán xây dựng công trình các gian ki ốt chợ Y đã được Thanh tra tỉnh N, Thanh tra huyện H xác minh kết luận nhưng kết luận thanh tra không ghi nhận bất cứ khoản nợ nào của tập thể, cá nhân trong Ban xây dựng thị trấn đối với ông H1. Bản thân cá nhân ông cũng không nợ tiền ông H1. Ông H1 khai ông đã ứng trước 45.000.000 đồng của UBND thị trấn Y, ông công nhận ông có ứng số tiền trên từ thủ quỹ để thanh toán các phiếu mua hàng do các thanh viên trong Ban xây dựng nộp. Các phiếu mua hàng hợp lệ thì đã được thanh toán và đưa vào hồ sơ thanh quyết toán công trình. Do đã hơn 20 năm nên ông không nhớ cụ thể đã thanh toán cho những ai nhận. Khi đó ông H1 vẫn đang còn công tác tại UBND thị trấn Y nhưng không có yêu cầu đòi nợ gì đối với ông chỉ mấy năm gần đây sau khi đã xảy ra mâu thuẫn với ông thì ông H1 đưa ra một số phiếu mua hàng và nói ông còn giữ của ông H1 41.382.000 đồng do ông H1 nhờ ông thanh toán hộ với UBND thị trấn Y. Ông không chấp nhận yêu cầu đòi nợ của ông H1.

Người làm chứng ông Đặng Văn T trình bày: Ông làm thủ quỹ của UBND thị trấn Y đến năm 1998 thì chuyển sang công tác tại Hợp tác xã nông nghiệp của thị trấn. Thời gian công tác tại UBND thị trấn Y ông có biết ông H1 và ông H2 tham gia Ban xây dựng của UBND thị trấn xây dựng các gian ki ốt của chợ Y. Do ông không phải là thanh viên của Ban xây dựng nên không biết việc chi tiêu kinh tế của Ban; không biết việc thanh quyết toán công trình như thế nào. Khi còn làm thủ quỹ của UBND thị trấn Y, ông chưa lần nào chi tiền ứng thanh toán công trình xây dựng các ki ốt chợ Y cho ông H2 hay ông H1, chỉ có một lần ông H1 vay 1.000.000 đồng với tư cách cá nhân.

Với nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 40/2020/DS – ST ngày 09 tháng 6 năm 2020 của Toà án nhân dân Huyện H đã quyết định:

Căn cứ: khoản 1, khoản 4 Điều 91; Điều 229; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn H1 đối với ông Nguyễn Trung H2 về việc đòi số tiền 41.382.000 đồng (Bốn mươi một triệu ba trăm tám mươi hai nghìn đồng) thanh toán tiền mua nguyên vật liệu xây dựng công trình các ki ốt tại chợ Y.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020, ông Trần Văn H1 có kháng cáo với nội dung: Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm giải quyết buộc ông Nguyễn Trung H2 trả lại ông 41.382.000 đồng tiền ông mua nguyên vật liệu xây dựng 22 gian ki ốt chợ Y đã được Ban kiến thiết và UBND thị trấn Y phê duyệt. Đề nghị Toà án điều tra xác minh làm rõ hành vi tẩu tán huỷ hoại hồ sơ tài liệu đối với ông Nguyễn Trung H2. Trong bản quyết toán công trình không ghi cụ thể số tiền của ông H2 cũng

không ghi cụ thể số tiền của ông H1, một mình ông H2 tự ý thanh toán lấy đi T1 bộ số tiền. Ông Mai Huy T1 Phó Chủ tịch UBND thị trấn Y trưởng Ban kiến thiết đã xác nhận việc ông bỏ tiền mua vật liệu xây dựng, ông đã nộp nhưng lại không được đưa ra xem xét giải quyết ngày 09-6-2020.

Tại phiên toà:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các đương sự không T thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện VKS trình bày quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay Thẩm phán, HĐXX đã thực hiện đúng các qui định của pháp luật. Các đương sự đều đã chấp hành đầy đủ các qui định của pháp luật.

Về nội dung: Tài liệu quyết toán công trình chỉ ghi tổng số tiền, không ghi do ai chi. Ông H1 khởi kiện nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H1 là có căn cứ.

Về án phí: đương sự khởi kiện đòi lại tài sản nên theo khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì án phí phải tính là án phí không có giá ngạch. Cấp sơ thẩm buộc đương sự nộp án phí giá ngạch là không phù hợp theo quy định. Đề nghị căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa án sơ thẩm về phần án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Trần Văn H1 làm trong thời hạn luật định, được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông Trần Văn H1, Hội đồng xét xử nhận định:

Ông Trần Văn H1 khởi kiện yêu cầu ông H2 phải trả số tiền là 41.382.000 đồng ông đã chi tạm ứng mua nguyên vật liệu cùng ông H2 xây 22 gian ki ốt chợ Y mà ông đã nhờ ông H2 thanh toán hộ, ông không yêu cầu tính lãi. Kèm theo yêu cầu khởi kiện, ông H1 nộp 07 giấy biên nhận bán hàng viết tay, có chữ ký của người bán hàng, người mua hàng là ông H1 và 03 “Biên bản: Quyết toán công trình xây dựng”.

Xét thấy, nội dung 07 giấy biên nhận bán hàng thể hiện ông H1 là người mua một số vật liệu xây dựng ở cửa hàng bán vật liệu xây dựng tại khu II thị trấn Y vào thời điểm từ tháng 11 năm 1996 đến tháng 12 năm 1997; có giấy thể hiện ông H1 ký xác nhận việc cửa hàng bán vật liệu cho Ban xây dựng ki ốt chợ Y và có giấy ông H1 ký xác nhận về việc chở cát. Tuy nhiên, các giấy biên nhận ông H1 nộp đều là giấy viết tay và đều không có xác nhận của chủ đầu tư là Ủy ban nhân dân thị trấn Y.

03 “Biên bản: Quyết toán công trình xây dựng” đều là bản photo và đều được lập từ tháng 01 năm 1999. Ông H1 không cung cấp được bản chính để đối

chiếu hoặc bản sao có giá trị pháp lý về tài liệu trên. Mặt khác, cả 03 “Biên bản: Quyết toán công trình xây dựng” thể hiện ông H1 cũng đã nhất trí cao với các nội dung đã nêu và ký tên với tư cách là một trong các thành viên Ban. Cả 03 “Biên bản: Quyết toán công trình xây dựng” cũng đã thể hiện chi tiết các khoản và tổng số tiền đã chi mua nguyên vật liệu nhưng không thể hiện ai là người chi, không thể hiện số tiền còn nợ.

Xác minh tại UBND thị trấn Y thì hiện Ủy ban cũng không còn lưu giữ hồ sơ thanh quyết toán công trình xây dựng các ki ốt chợ Y.

Tại phiên toà, ông Trần Văn H1 trình bày: Sau khi xây dựng xong ki ốt chợ Y, ông có nói miệng nhờ ông H2 quyết toán hộ phần của ông với UBND thị trấn Y và đưa giấy tờ gốc cho ông H2 mang đi thanh quyết toán. Sau đó, năm 2001 ông đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan đến năm 2010 về nước mới tiếp tục đòi tiền từ ông H2 và còn xảy ra xô sát.

Ông Nguyễn Trung H2 xác nhận: Ông cũng là thành viên tham gia Ban xây dựng các ki ốt chợ Y. Ông và ông H1 đã ứng tiền cá nhân để mua nguyên vật liệu sau đó mang phiếu về thanh toán nhưng những phiếu nào hợp lệ thì đều đã được duyệt và thanh toán. Ông là người chịu trách nhiệm tổng hợp đưa vào hồ sơ thanh quyết toán công trình. Các phiếu mua hàng không hợp lệ thì không được công nhận thanh toán nên không đưa vào hồ sơ. Hồ sơ gốc quyết toán công trình xây dựng các ki ốt chợ Y ông đã bàn giao lại cho UBND thị trấn Y từ khi nghỉ việc năm 1999. Không có việc ông H1 nhờ ông thanh toán hộ số tiền 41.382.000 đồng với UBND thị trấn Y như ông H1 trình bày. Năm 2019 Thanh tra Huyện H và Thanh tra tỉnh đã về thanh tra và cũng đã có kết luận, không có sai phạm hay còn nợ nần gì đối với công việc liên quan đến xây dựng ki ốt chợ Y nên ông không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông H1.

Theo báo cáo trả lời đơn thư số: 14/BC-UBND ngày 22/7/2019 của UBND thị trấn Y gửi UBND Huyện H thể hiện: Tại kết luận thanh tra số 11/KL-TTTr ngày 26/8/1999 của thanh tra Huyện H thể hiện: Hợp đồng xây dựng quầy hàng ki ốt 05-4-1995 ngày 17/5/1995 do ông Mai H1 T1 – Phó Chủ tịch UBND thị trấn và ông Vũ Văn Thơ – Giám đốc công ty xây dựng H ký kết với giá trị khoán gọn là 108.500.000 đồng. Biên bản nghiệm thu bàn giao và thanh toán hợp đồng ngày 10/11/1995 do ông T1 và ông Thơ ký với giá trị thanh toán 108.500.000 đồng. Việc xây dựng ki ốt chợ Y cụ thể: Dây 1 gồm 16 gian ki ốt xây bằng gạch cũ tận dụng do đội ông Chủ thuộc Công ty xây dựng H xây dựng. Dây 2 gồm 6 gian ki ốt do ban kiến thiết tổ chức xây dựng, vật tư vật liệu mua mới, khoán công xây lắp cho ông Hùng ở khu 4 xây dựng. Dây 3 gồm 4 gian do đội ông Chủ xây dựng. Trên thực tế, từ năm 1999 (Khi bàn giao giữa UBND khoá III thời kỳ 1995-1999 với UBND khoá mới) đến nay, UBND thị trấn Y không giải quyết, thực hiện chi trả bất kỳ một khoản nào liên quan đến việc xây dựng ki ốt khu vực chợ Y. Do không có hồ sơ bàn giao nợ phải trả theo kết luận của thanh tra. Và cũng không có việc bàn giao chứng từ, không có bất cứ tổ chức hoặc cá nhân nào đề nghị việc thanh toán xây dựng ki ốt. Như vậy, chỉ có 20/26 gian ki ốt được thực hiện xây dựng qua hợp đồng giữa UBND thị trấn Y

với Công ty xây dựng H theo hình thức khoán gọn, việc mua sắm nguyên vật liệu, trả công do Công ty xây dựng chi trả. Ban kiến thiết UBND thị trấn Y chỉ có trách nhiệm giải quyết chi trả các khoản liên quan đến việc xây dựng 6 gian ki ốt do Ban kiến thiết UBND tự thi công và các chi phí phát sinh khác trong công tác chỉ đạo thực hiện chứ không phải là 22 gian ki ốt như ông H1 trình bày.

Ông Trần Văn H1 khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Trung H2 trả số tiền 41.382.000 đồng do ông chi mua nguyên vật liệu xây dựng 22 gian ki ốt chợ Y chưa được thanh toán, ông H1 không khởi kiện đòi nợ đối với chủ đầu tư là UBND thị trấn Y.

Ông H1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc ông đã được UBND thị trấn Y duyệt quyết toán chi số tiền do ông ứng mua nguyên vật liệu xây dựng. Không có căn cứ về việc ông H1 nhờ ông H2 thanh toán số tiền do ông chi mua nguyên vật liệu xây dựng với UBND thị trấn Y.

[3] Ông H1 kháng cáo, đề nghị Toà án điều tra xác minh làm rõ hành vi tẩu tán huỷ hoại hồ sơ tài liệu đối với ông Nguyễn Trung H2.

Xét thấy, nếu ông H1 có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc ông H2 có hành vi tẩu tán huỷ hoại hồ sơ tài liệu thì được quyền làm đơn đến cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử không có thẩm quyền điều tra xác minh làm rõ hành vi tẩu tán huỷ hoại hồ sơ tài liệu đối với ông Nguyễn Trung H2. Toà án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm, quyết định của Toà án cấp sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị hoặc có liên quan đến việc xem xét nội dung kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Hồ sơ vụ án không có tài liệu, chứng cứ nào về việc ông Mai H1 T1 - Phó Chủ tịch UBND thị trấn Y, trưởng Ban kiến thiết đã xác nhận việc ông H1 bỏ tiền mua vật liệu xây dựng như kháng cáo của ông H1. Tại “Đơn xin xác nhận” đề ngày 01-3-2020 (BL 27) của ông H1 có nội dung thể hiện năm 1995 đến 1998 ông là cán bộ UBND thị trấn Y phụ trách giao thông thuỷ lợi xây dựng cơ bản. Ông được UBND thị trấn Y giao cho xây dựng 22 gian ki ốt chợ Y ngày nay. Ông có cung ứng một số vật tư nguyên liệu để xây dựng ki ốt chợ đến nay chưa được thanh toán tiền vật tư xây dựng. Nay ông làm đơn đề nghị UBND thị trấn Y xác nhận việc xây dựng 22 gian ki ốt. Cuối đơn có ông Mai Huy T1 ghi xác nhận đơn trình bày của anh Trần Văn H1 là đúng nhưng không thể hiện ông Mai Huy T1 xác nhận đơn với tư cách gì và cũng không có dấu xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn Y. Chữ ký tên Mai Huy T1 tại “Đơn xin xác nhận” đề ngày 01-3-2020 và chữ ký tên Mai Huy T1 với tư cách là Phó Chủ tịch UBND tại 03 “Biên bản: Quyết toán công trình xây dựng” đều do ông H1 giao nộp lại khác nhau. Mặt khác, theo kết luận thanh tra số 11/KL-TTr ngày 26/8/1999 của thanh tra Huyện H thể hiện: Hợp đồng xây dựng quầy hàng ki ốt 05-4-1995 ngày 17/5/1995 do ông Mai Huy T1 – Phó Chủ tịch UBND thị trấn và ông Vũ Văn T2 – Giám đốc công ty xây dựng H ký kết. Ông H1 chỉ là thành viên của Ban kiến thiết xây dựng chứ không phải là người “*được UBND thị trấn Y giao cho xây dựng 22 gian ki ốt chợ Y ngày nay*” như đơn kháng cáo của ông H1 nêu.

[5] Ông Trần Văn H1 kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm xử buộc ông Nguyễn Trung H2 trả lại cho ông 41.382.000 đồng mà ông đã mua vật liệu xây dựng 22 gian ki ốt chợ Y nhưng ông H1 lại không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Tại cấp phúc thẩm, ông H1 cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới nên không có căn cứ xem xét chấp nhận.

[6] Về phần án phí:

Xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là tranh chấp “Kiện đòi tài sản”. Như vậy, theo hướng dẫn của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

Cấp sơ thẩm đã buộc đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là chưa đúng. Cấp phúc thẩm cần sửa lại cho đúng quy định.

[7] Do sửa án sơ thẩm nên đương sự có kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự. Sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

Căn cứ: Các Điều 91, 229 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn H1 đối với ông Nguyễn Trung H2 về việc đòi số tiền 41.382.000 đồng (Bốn mươi một triệu ba trăm tám mươi hai nghìn đồng) thanh toán tiền mua nguyên vật liệu xây dựng công trình các ki ốt tại chợ Y.

2. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn H1 phải nộp 300.000 đồng. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.035.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002025 ngày 09-3-2020 của Chi cục thi hành án dân sự H1ện H, hoàn trả lại cho ông Trần Văn H1 735.000 đồng (Bảy trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho ông Trần Văn H1 số tiền 1.034.000 đồng (Một triệu không trăm ba mươi tư nghìn đồng) đã nộp theo biên lai số 07846 ngày 22/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự H1ện H.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn H1 không phải nộp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Hải Hậu;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Mai Thị Minh Hồng
(Đã ký)**